

Bản án số: 34/2022/HS- ST

Ngày: 27 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và ông Nguyễn Văn Chìu

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa và bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2022/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa đối với bị cáo:

Phùng Duy C, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông Phùng Văn C1 (đã chết) và bà Phạm Thị C1; có vợ là Phạm Thị C3 và 01 con sinh năm 2020; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Bản án số 58 ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, xử Phùng Duy C 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2019; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22 ngày 22/12/2015 của Công an huyện Tứ Kỳ về hành vi Đánh bạc trái phép đối với Phùng Duy C. Đã nộp phạt ngày 24/12/2015. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/8/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Lê Quang N, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1990; đều ở địa chỉ: Khu L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; (có mặt anh N, vắng mặt chị L. Chị L ủy quyền cho anh N)

2. Anh Đỗ Tiến T, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 2000; đều ở địa chỉ: Thôn Q, xã Tiên Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Vũ Văn A, sinh năm 1989. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1955. (vắng mặt)

3. Anh Vũ Hồng A2, sinh năm 1991. (vắng mặt)
4. Ngân hàng TMCP bưu điện Việt Nam- Chi nhánh H- Phòng giao dịch huyện T; người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Đại A3. (vắng mặt)
5. Chị Phạm Thị Ngọc A4, sinh năm 1986. (vắng mặt)
6. Ông Lâm Văn A5, sinh năm 1965. (vắng mặt)
7. Ông Nguyễn Văn A6, sinh năm 1972. (vắng mặt)
8. Chị Phạm Thị A7, sinh năm 1997. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian từ năm 2020 đến ngày 17/7/2021, Phùng Duy C đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Năm 2020, Phùng Duy C mua xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại CERATO làm phương tiện đi lại, đến ngày 12/11/2020 được phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hải Dương cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô số 077xxx cho xe ô tô trên biển số 34A- 235.xx. Sau đó, C sử dụng điện thoại di động chụp ảnh hai mặt giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Ngày 16/11/2020, C thế chấp giấy tờ và xe ô tô nêu trên để vay tiền tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh H (Phòng giao dịch T) số tiền 350.000.000 đồng, ngân hàng giữ bản gốc chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên còn xe ô tô C quản lý, sử dụng.

Khoảng cuối năm 2020, C sử dụng ảnh chụp hai mặt chứng nhận đăng ký xe ô tô để in ảnh màu theo kích thước khoảng (10x 7) cm tương tự kích thước của đăng ký xe ô tô bản gốc, ghép hai mặt ảnh màu của đăng ký xe ô tô lại rồi ép nhựa cho giống với đăng ký xe ô tô bản gốc để sử dụng. Khoảng tháng 3/2021, do cần tiền tiêu dùng cá nhân, C mang xe ô tô biển số 34A- 235.xx kèm theo chứng nhận đăng ký kiểm xe, đăng ký xe ô tô giả đến cửa hàng cầm đồ của anh Vũ Hồng A2, sinh năm 1991, nơi cư trú thôn N, xã V, huyện T để cầm cố xe ô tô nêu trên, vay của anh A2 số tiền 310.000.000 đồng. C giao cho anh A2 xe ô tô và đăng ký xe ô tô giả. Anh A2 do tin tưởng đăng ký xe ô tô do C giao là thật, đã nhận cầm cố tài sản cho C. Sau đó anh A2 và C đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã T lập hợp đồng mua bán xe ô tô, có chứng thực của UBND xã T. Đến tháng 6/2021, anh A2 yêu cầu Phùng Duy C trả tiền nợ theo thỏa thuận cầm cố tài sản. Do không có tiền thanh toán nợ cho anh A2, C nhờ anh A2 tìm người mua xe ô tô mà C đã thế chấp trước đó để bán lấy tiền trả nợ cho anh A2. Do quen biết và biết anh Lê Quang N, sinh năm 1990, trú tại thị trấn T, huyện T có nhu cầu mua xe ô tô để sử dụng, anh A2 đã giới thiệu C với anh N. Ngày 10/6/2021, C đồng ý bán xe ô tô Kia biển số 34A- 235.xx cho anh Lê Quang N với giá 357.000.000 đồng. Anh N đặt cọc 10.000.000 đồng và hẹn ngày 11/6/2021 sẽ cùng C đến UBND xã T, huyện T để làm hợp đồng mua bán xe ô tô. Do không cầm cố xe ô

tô của C nữa nên anh A2 có đơn gửi UBND xã T đề nghị hủy hợp đồng mua bán xe ô tô đã lập có chứng thực của UBND xã T.

Ngày 11/6/2021, anh N cùng C, A2 đến UBND xã T làm hợp đồng mua bán xe ô tô. C giao cho anh N xe ô tô cùng đăng ký xe giả, chìa khóa, chứng nhận đăng kiểm xe, cam đoan xe thuộc sở hữu hợp pháp của C. Cả hai thống nhất lập hợp đồng mua bán có chứng thực của UBND xã T. Đối với số tiền mua xe, C yêu cầu anh N chuyển tiền qua tài khoản cho anh A2 để thanh toán khoản nợ với A2. Anh N chuyển thanh toán số tiền 347.000.000 đồng qua tài khoản cho anh Vũ Hồng A2. Anh A2 đối trừ tiền nợ cho C số tiền thừa là 37.000.000 đồng. Sau đó anh N dùng xe ô tô mua của C làm phương tiện đi lại và chưa sang tên đổi chủ.

Đến ngày 01/9/2021, anh N nhận được thông báo của Phòng giao dịch T ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt về việc xe ô tô 34A- 235.xx là tài sản Phùng Duy C thế chấp tại ngân hàng để vay tiền và Ngân hàng đang quản lý bản gốc đăng ký xe ô tô, ngân hàng đã ra thông báo thu hồi tài sản thế chấp do C vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Lúc này, anh N nghi vấn giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do C giao cho mình là giả nên đã trình báo Công an huyện Tứ Kỳ đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật (bút lục số 149- 150).

Vụ thứ hai: Năm 2018 anh Đỗ Tiến T- sinh năm 1989 trú tại thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương có vay của Vũ Văn P- sinh năm 1989 trú tại thôn C, xã Q, huyện T số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó anh A nhiều lần đến đòi nhưng anh T khất do chưa có tiền trả. Khoảng đầu tháng 7/ 2021, anh A nhờ Phùng Duy C cùng mình đến nhà anh T đòi tiền C đồng ý. Ngày 16/7/2021, anh A cùng Phùng Duy C đến nhà anh Đỗ Tiến T để hỏi tiền nợ nhưng anh T không ở nhà nên anh A và C về. Sáng ngày 17/7/2021, A tiếp tục đến nhà T đòi nợ, do không có tiền trả nên T hẹn A sẽ đi vay tiền để trả. A gọi cho Phùng Duy C, bảo C chờ lấy tiền anh T trả cho mình, sau đó A đi về. Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh T gọi điện thoại thông báo đã có tiền trả cho A nên A gọi điện thoại bảo C đến lấy tiền nợ cho mình, C đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày C mang theo 01 vật bằng gỗ kích thước (109x15) cm, phần cán bằng gỗ được tạo hình giống báng súng, phía trên gắn 01 ống hình trụ tròn đường kính 2cm, toàn bộ được quấn băng dính màu đen trông giống đặc điểm khẩu súng tự chế mang đến nhà T để đòi tiền đi bộ đến đứng tại khu vực ngõ vào nhà anh T để đòi tiền thì anh T không đưa mà yêu cầu phải có A đến và chỉ trả tiền cho A. C đã chửi, đe dọa bắn và dùng phần cán gỗ của vật giống súng tự chế đánh 01 nhát vào người anh T. Do sợ bị C bắn, đánh nên anh T buộc phải đưa cho C số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền C bỏ 1.000.000 đồng vào túi quần soóc phía trước bên phải đang mặc, mang về đưa cho A số tiền 500.000 đồng, số tiền còn lại C đánh rơi mất. Đến ngày 18/7/2021, anh T đến Công an huyện Tứ Kỳ trình báo, giao

nộp 01 USB có lưu trữ dữ liệu hình ảnh video ghi lại hình ảnh Vũ Văn A và Phùng Duy C đến nhà anh T đòi tiền nợ vào ngày 16/7/2021 và 17/7/2021 và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật (bút lục số 31).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 48 ngày 27/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Kia, loại Cerato sản xuất năm 2016 tại Việt Nam, tại thời điểm ngày 11/6/2021 có giá trị 420.000.000 đồng; Bản Kết luận giám định số 103 ngày 24/12/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Phôi chứng nhận đăng ký xe ô tô (*ký hiệu A*) là giả; Chữ ký đứng tên Thượng tá Nguyễn Văn M trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (*ký hiệu A*) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1-M4*) không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu chức danh mang tên Thượng tá Nguyễn Văn M trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (*ký hiệu A*) là giả. Hình dấu tròn có nội dung "Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam - Công an tỉnh Hải Dương" trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (*ký hiệu A*) là giả (bút lục số 170- 171; 176- 178);

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSTK, ngày 23/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố: Bị cáo Phùng Duy C, về tội: Cướp tài sản; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS, khoản 1 Điều 341 BLHS và điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS.

Tại cáo trạng số 15A/CT-VKS ngày 30/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ thay thế cáo trạng số 15/CT-VKSTK, ngày 23/3/2022, truy tố: Bị cáo Phùng Duy C, về tội: Cướp tài sản; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS và điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phùng Duy C thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ là đúng.

Bị hại anh Lê Quang N trình bày khi mua bán xe với bị cáo C anh không biết xe ô tô của bị cáo đang thế chấp tại ngân hàng, giấy tờ xe bị cáo đưa cho anh là giả. Anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Về trách nhiệm hình sự anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS và điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38, Điều 55 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các tội; khoản 2 Điều 51 BLHS đối với tội Cướp tài sản. Xử phạt bị cáo C từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản; từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; từ 10 năm 06

tháng từ đến 11 năm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Phùng Duy C có chiếc xe ô tô KIA, loại Cerato biển số 34A-235.xx thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh H. C được Ngân hàng giao quản lý xe ô tô làm phương tiện đi lại. Đến khoảng cuối năm 2020, Do cần tiền trả nợ, tiêu sài cá nhân C đã làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và đem xe ô tô thế chấp cho anh Vũ Hồng A2 để vay số tiền 310.000.000 đồng. Do không có tiền trả cho anh A2 nên đến ngày 11/6/2021, C đã sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả trên để làm thủ tục bán chiếc xe ô tô KIA, loại Cerato biển số 34A-235.xx cho anh Lê Quang N chiếm đoạt số tiền 357.000.000 đồng.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 17/7/2021, tại cổng nhà anh Đỗ Tiến T ở thôn Q, xã T, huyện T, Phùng Duy C dùng 01 vật giả súng kích thước (109x 15) cm, phần cán bằng gỗ được tạo hình giống súng, phía trên gắn 01 ống hình trụ tròn đường kính 2cm đe dọa, đánh 01 nhát vào người anh T chiếm đoạt của anh T 1.000.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi dùng vũ lực để cướp tài sản là vi phạm pháp luật song vẫn cố ý thực hiện, nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS và điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS. Do đó cáo trạng của VKSND huyện Tứ Kỳ truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ nên cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị hại trong vụ cướp tài sản có xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả 3 tội và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với tội Cướp tài sản nên HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo phạm nhiều tội, xâm phạm đến nhiều khách thể, mặt khác bị cáo đã từng bị kết án về tội Cố ý gây thương tích, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong được coi là không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo không lấy những lần bị kết án, xử phạt hành chính đó làm bài học cho bản thân để phấn đấu trở thành công dân tốt, biết chấp hành pháp luật mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Anh Đỗ Tiến T và vợ là Nguyễn Thị Kim P bị hại trong hành vi cướp tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.000.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6.2] Anh Lê Quang N và vợ là Nguyễn Thị Thùy L bị hại trong hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản yêu cầu bị cáo C phải trả lại toàn bộ số tiền 357.000.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy yêu cầu của anh N và chị L là có căn cứ nên cần chấp nhận để buộc bị cáo C phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt nêu trên.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 01 xe ô tô KIA, loại CERATO biển số 34A- 235.xx, ngày 01/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ đã trao trả cho ông Quách Đại C là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh H (Phòng giao dịch T) nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8.2] Đối với 01 vật hình dạng giống súng tự chế kích thước (109x 15) cm, phần cán bằng gỗ được tạo hình giống báng súng, phía trên gắn 01 ống hình trụ tròn đường kính 2cm, toàn bộ vật quấn băng dính màu đen cần tịch thu cho tiêu hủy

[8.3] Đối với 01 USB chưa dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án; 01 giấy đăng ký xe giả hiện đang được bảo quản theo hồ sơ vụ án cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[9] Đối với hành vi của anh Vũ Văn A cho anh T vay tiền nhưng anh T không trả đúng hạn, sau đó A đã nhiều lần đến nhà anh T để đòi nợ nhưng A không đe dọa, chửi bới hoặc đánh, ép anh T phải trả nợ cho mình. Ngoài ra A bảo C đi cùng đến nhà anh T lấy tiền giúp nhưng A không chỉ đạo hoặc yêu cầu

C chửi bới, đe dọa, đánh, ép anh T phải trả nợ cho A. Vì vậy, A không đồng phạm với Phùng Duy C trong tội Cướp tài sản. Đối với anh Vũ Hồng A2 không biết C sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả khi C bán xe cho anh N nên anh A2 không đồng phạm với Phùng Duy C trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[10] Về án phí: Bị cáo phạm tội và phải bồi thường về trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS và điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38, Điều 55 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các tội; khoản 2 Điều 51 BLHS đối với tội Cướp tài sản;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phùng Duy C phạm các tội: tội “Cướp tài sản”, tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Phùng Duy C 07 (bảy) năm tù về tội Cướp tài sản; 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; 08 (tám) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/8/2021

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Phùng Duy C phải bồi thường cho anh Lê Quang N và chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền 357.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành những khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy vật hình dạng giống súng tự chế kích thước (109x15)cm, phần cán bằng gỗ được tạo hình giống báng súng, phía trên gắn 01 ống hình trụ tròn đường kính 2cm.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Từ Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Từ Kỳ ngày 27/ 4/2022).

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Bị cáo

Phùng Duy C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.850.000đ (Mười bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại anh Lê Quang N và chị Nguyễn Thị Thùy L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/6/2022. Bị hại anh Đỗ Tiến T và chị Nguyễn Thị Kim P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan T.H.A. HS - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Hồ sơ nghiệp vụ- Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thành